

Số: 629 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH đầu tư và khai thác khoáng sản Sơn Đông tại Văn bản số 08/KSSĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định, cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 02/KSSĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án nạo vét luồng vào bãi tập kết vật liệu, địa điểm thực hiện vị trí K19+500 thuộc đập phụ hồ Dầu Tiếng, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1085/TTr-STNMT ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Tờ trình số 280/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH đầu tư và khai thác khoáng sản Sơn Đông, địa chỉ tại số 17, hẻm 5, đường Lộ Chánh Môn A, Phường 4, thành phố Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nạo vét luồng vào bãi tập kết vật liệu tại vị trí K19+500 thuộc đập phụ hồ Dầu Tiếng, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nạo vét luồng vào bãi tập kết vật liệu.

1.2. Địa điểm hoạt động: vị trí K19+500 thuộc đập phụ hồ Dầu Tiếng, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 3901296830 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 03 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 03 năm 2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3901296830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 3 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3901296830.

1.5. Loại hình Dự án: nạo vét luồng lạch.

1.6. Phạm vi, quy mô:

- Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích khu vực nạo vét: 6.391 m² được giới hạn bởi các điểm mốc tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105°30', múi chiều 3⁰, như sau:

TT	Tọa độ VN 2000 (múi chiều 3 ⁰ , kinh tuyến trực 105°30')	
	X (m)	Y (m)
1	1264 663,32	579 347,55
2	1264 698,88	579 328,44
3	1264 775,66	579 471,38
4	1264 762,45	579 478,48
5	1264 727,60	579 413,61
6	1264 705,07	579 407,36
7	1264 697,01	579 425,20
8	1264 715,38	579 503,28
9	1264 700,13	579 503,97

- Nạo vét luồng đến cote +14,50

- Sản phẩm nạo vét chỉ được sử dụng san lấp mặt bằng, đắp đường vào bãi

tập kết vật liệu xây dựng không vận chuyển ra khỏi khu vực hồ Dầu Tiếng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH đầu tư và khai thác khoáng sản Sơn Đông:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH đầu tư và khai thác khoáng sản Sơn Đông có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH đầu tư và khai thác khoáng sản Sơn Đông hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Suối Đá, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 06 tháng, kể từ ngày được UBND tỉnh Tây Ninh chấp thuận cho phép Công ty triển khai thực hiện Dự án.

Điều 4. Giao Nông nghiệp và Môi trường, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu và các cơ quan tổ chức có liên quan kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận: *lđ*

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- UBND huyện DMC;
- UBND xã Suối Đá;
- Công ty TNHH đầu tư và khai thác khoáng sản Sơn Đông;
- Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Miền Nam
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở NN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. *g*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số629...../GPMT-UBND
 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành tạm với lưu lượng khoảng $1,28 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình nạo vét bùn, cát chuyển lên bãi tập kết với lưu lượng phát sinh khoảng $62,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Dự án là: $63,29 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (nguồn số 01) được thu gom, lưu chứa tại nhà vệ sinh lưu động gần khu nhà điều hành, thể tích khoảng 3 m^3 , Công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Một (01) dòng nước thải (nguồn số 02) sau khi qua 03 hố lắng đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, hệ số $K_q = 1,0$, $K_f = 1,1$ xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải từ quá trình nạo vét bùn, cát (nguồn số 02) sau khi lần lượt qua 03 hố lắng bố trí tại bãi tập kết theo đường ống nhựa PVC đường kính 200mm chảy ra hồ Dầu Tiếng thuộc xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: ống nhựa thoát nước thải sau hố lắng thứ 3 chảy ra hồ Dầu Tiếng thuộc xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1264 \ 720$; $Y = 579 \ 300$.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 30'$, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $62,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, hệ số $K_q = 1,0$, $K_f = 1,1$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6-9	03 tháng/lần
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	55	
3	COD	mg/L	82,5	
4	BOD ₅	mg/L	33	
5	Tổng Nitơ	mg/L	22	
6	Tổng Phốt pho	mg/L	4,4	
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5,5	
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công nhân (nguồn số 01), lưu lượng lớn nhất khoảng 1,28 m³/ngày.đêm được thu gom, lưu chứa tại nhà vệ sinh lưu động gần khu nhà điều hành, thể tích khoảng 3 m³, thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải phát sinh từ quá trình nạo vét bùn, cát chuyển lên bãi tập kết (nguồn số 02) với lưu lượng phát sinh khoảng 62,7 m³/ngày.đêm thu gom dẫn qua 03 hố lắng để lắng, lọc đảm bảo đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số Kq= 1,0, Kf = 1,1 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh của công nhân → nhà vệ sinh di động → hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình nạo, vét bùn, cát chuyển lên bãi tập kết → 03 hố lắng, lọc.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 02 Nhà vệ sinh di động, mỗi nhà vệ sinh di động có thể tích 3 m³.

- 03 hố lắng, mỗi hố lắng có kích thước L×W×H: 3 m x 4 m x 2 m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét, vệ sinh hệ thống thu gom nước thải.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.
- Trường hợp công trình thu gom, xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình nạo vét bùn, cát chuyển lên bãi tập kết đảm bảo đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột A, hệ số $K_q = 1,0$, $K_f = 1,1$ trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

3.2. Thực hiện công khai thông tin kết quả quan trắc nước thải của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 629./GPMT-UBND
 ngày 22. tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị tại khu vực thi công nạo vét.

- Nguồn số 02 phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị tại khu vực bãi tập kết.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: toạ độ X = 1264 706, Y = 579 389.

- Nguồn số 02: toạ độ X = 1264 742, Y = 579 342.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp chống tiếng ồn; các phương tiện, máy móc, thiết bị phục hoạt động nạo vét, san lấp bùn,

cát được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..629../GPMT-UBND
ngày 10. tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Tổng cộng (kg/06 tháng)	Ký hiệu
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	13	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5	NH
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	20	NH
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	2	NH
Tổng cộng				30	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/06 tháng)	Ký hiệu
1	Bùn, cát	12 09 10	Rắn	13.544,82	TT-R
Tổng cộng					

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân	Rắn	12,8
Tổng khối lượng			12,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) nhà chứa rác thải nguy hại có diện tích 6,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn, cát từ quá trình nạo vét Công ty chỉ được sử dụng để san lấp mặt bằng, đắp đường vào bãi tập kết, không vận chuyển ra khỏi khu vực hồ Dầu Tiếng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho lưu giữ chất thải nguy hại:

Thiết kế kho lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định

của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu:

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn đường thủy nội địa theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

- Trang bị phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu.

- Phương tiện thủy tham gia nạo vét, vận chuyển có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ hồ:

- Không nạo vét, vận chuyển vào ban đêm, tại các khu vực đang không ổn định, có nguy cơ sạt lở.

- Tuân thủ và thực hiện nạo vét đúng theo các thông số kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt. Quản lý giám sát chặt chẽ phạm vi nạo vét, không chế độ sâu nạo vét bằng máy đo độ sâu cầm tay.

- Ranh giới vùng nạo vét phải được thả phao; nạo vét đúng chiều sâu cho phép.

- Luôn theo dõi, quan trắc diễn biến của quá trình bồi lắng, các dấu hiệu sạt lở đường bờ khu vực khai thác, kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có chức năng để có phương án giải quyết.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học:

- Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho công nhân viên của Dự án. Nghiêm cấm công nhân có các hành vi xâm hại đa dạng sinh học tại khu vực nạo vét.

- Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến để giảm thiểu đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài thủy sinh, động vật đáy và giảm lượng chất rắn lơ lửng trong nguồn nước.

- Thực hiện nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật, chặt phá thực vật; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải bần xuống hồ.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

8. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi Dự án; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã Suối Đá và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Dương Minh Châu, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **629**/GPMT-UBND
ngày **01** tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình nạo vét bùn, cát chuyển lên bãi tập kết đảm bảo đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột A, hệ số $K_q = 1,0$, $K_f = 1,1$ trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo chất lượng không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an

toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

8. Trang bị phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu; xây dựng phương án phòng ngừa phó sự cố tràn dầu để ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.

9. Thực hiện nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật, chặt phá thực vật; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải bần xuống hồ.

10. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

11. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.